TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2017/DS-ST
Ngày: 28-6-2017
V/v "T/c về HĐCNQSD đất và tài sản gắn liền với đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Trường

Bà Nguyễn Thị Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Hạnh là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2016/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Anh T, sinh năm 1946

Địa chỉ: 2901 W First Street, # 24, Santa Ana, CA 92703 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Trương Kim Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: 1238B đường N, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1964

HKTT: Số 865, Tổ 7, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn L (Hoang L Van), sinh năm 1938

Địa chỉ: 2901 W First Street, # 24, Santa Ana, CA 92703 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Trương Kim Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: 1238B đường N, khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Ông Đinh Thảo N, sinh năm 1954

Địa chỉ: 141/1/14 đường C, phường 8, TP.Vũng Tàu.

3. Ông Đinh Thế L, sinh năm 1990

4. Bà Bùi Thùy T, sinh năm 1990

5. Ông Đinh Thế L, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Số 865, Tổ 7, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông L và bà H có mặt; các đương sự còn lại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2016, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Anh T và người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bà T và bà Phạm Thị Thu H là hai chị em ruột. Ngày 06/02/2010 Bà có thỏa thuận mua đất của bà H diện tích đất 330m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà thuộc thửa số 1588, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã P, huyện L (Nay là Tổ 7, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đất đã được UBND huyện L cấp GCNQSD đất số V068362 ngày 09/9/2002 cho hộ bà Phạm Thị Thu H, giá chuyển nhượng là 250.000.000đ. Bà đã trả đủ tiền cho bà H. Do bà đang định cư ở nước ngoài chưa có nhu cầu sử dụng nhà đất nên đã cho bà H ở tạm. Đến năm 2011 Bà yêu cầu bà H trả lại nhà đất nhưng bà H không trả. Đến năm 2015 Bà đã thương lượng nhiều lần với bà H nhưng bà H vẫn không chịu trả. Do đó, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở là giấy viết tay ngày 06/02/2010 giữa Bà và bà H là vô hiệu. Yêu cầu bà H phải trả lại một lần số tiền 250.000.000đồng và lãi suất của số tiền này trong năm năm tượng trưng là 50.000.000đ. Số tiền lãi này không phải tính lãi % theo quy định của một Ngân hàng nào cả. Khi đã trả đủ tổng số tiền 300.000.000đ nêu trên thì Bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày*:

Bà và bà Phạm Thị Anh T là hai chị em ruột. Bà không đồng ý với trình bày của bà T và người đại diện theo ủy quyền. Cụ thể, trước đây, Bà và bà T có thỏa thuận là bà T cho Bà mượn tổng số tiền nhiều lần là 250.000.000đ. Năm 2010, do cần tiền để trả nợ cho Ngân hàng và vay nóng bên ngoài và do tin tưởng là chị em ruột nên Bà đã đồng ý lập giấy tay sang nhượng nhà đất đề ngày 06/02/2010 cho bà T đối với thửa đất số 1588, tờ bản đồ số 33, diện tích 330m^2 theo giấy chứng nhận QSD đất số V 068362 ngày 09/9/2002 đứng tên Bà với giá 250.000.000 đồng. Ban đầu, bà T đồng ý cho bà trả dần số tiền mượn, nhưng sau đó lại yêu cầu giao nhà để bà T bán nhà cho người khác, vì bà chưa có chỗ ở nào khác nên chưa giao nhà được. Nay Bà đồng ý bán nhà để trả nợ cho bà T nhưng do chưa tìm được người mua nhà đất nên chưa thể trả được số nợ trên.

Nay bà T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở đồng thời trả lại số tiền 250.000.000đồng thì Bà đồng ý. Còn yêu cầu trả lãi 50.000.000đ thì không đồng ý vì hiện nay điều kiện kinh tế rất khó khăn.

Đề nghị Tòa án cho thời gian để tìm người mua đất bán lấy tiền trả nợ cho bà T. Nếu không bán được nhà đất thì Bà sẽ chấp nhận theo quyết định của Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Năm 1988, Bà có sống chung như vợ chồng với ông Đinh Thảo N nhưng không có đăng ký kết hôn và đã sinh được 02 con chung. Ông N đã có vợ khác và sống tại xã T, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Từ năm 1999 cho đến nay, Bà và ông N không sống chung với nhau nữa và cũng không có giấy tờ gì của Tòa án về việc ly hôn. Tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của Bà, không liên quan đến ông N. Trước đây, bà có vay Ngân hàng một số tiền, để được vay thì ông N có lập giấy khước từ tài sản và hiện nay giấy khước từ tài sản của ông N Bà đang giữ.

Ngày 28/9/2007, Bà có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện Đất Đỏ và đã trả hết nợ. Khi Bà trả đủ số tiền 250.000.000đ thì đề nghị bà T phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Hoàng Văn L trình bày: Ông là chồng của bà T; số tiền bà T bỏ ra mua nhà đất của bà H là em ruột theo giấy đề ngày 06/02/2010 đối với thửa đất số 1588, tờ bản đồ số 33, diện tích 330m^2 theo GCNQSD đất số V 068362 ngày 09/9/2002 với giá 250.000.000 đồng là tiền riêng của bà T, bà T toàn quyền quyết định. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

2. Ông Đinh Thảo N trình bày: Ông sống chung với bà Phạm Thị Thu H (Không có đăng ký kết hôn) và có 02 con chung là Đinh Thế L và Đinh Phú L. Ông, bà có căn nhà chung tại P, thị trấn Đ mà hiện nay bà T có tranh chấp với bà H. Nay ông có kiến nghị tới Tòa: Nhà đất này xây dựng lên có sự đóng góp của cả vợ chồng, nay có bán thì phải có sự phân chia rõ ràng. Số tiền được chia Ông sẽ để lại cho 02 con và Ông sẽ ủy quyền cho con trai Đinh Thế L thay mặt để giải quyết các thủ tục về pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và cũng không có ý kiến gì khác.

3. Ông Đinh Thế L trình bày: Nhà đất hiện nay đang có tranh chấp giữa bà Phạm Thị Anh T và mẹ Ông là Phạm Thị Thu H là Ông đã đồng ý cho mẹ bán phần của mẹ, còn phần của ba Ông không đồng ý cho mẹ bán. Ông chỉ yêu cầu được xử lý thỏa đáng cho các bên vì khi xây nhà Ông có đưa tiền cho mẹ xây và năm 2016 Ông có đưa tiền cho mẹ sửa lại nhà bếp. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và cũng không có ý kiến gì khác.

4. Ông Đinh Phú Lộc trình bày: Việc tranh chấp nhà đất giữa bà Phạm Thị Anh T và mẹ Ông là Phạm Thị Thu H thì Ông không có ý kiến gì vì lúc đó còn

nhỏ và đi học nên Ông không có đóng góp gì trong ngôi nhà đó. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án này và cũng không có ý kiến gì khác.

5. Bà Bùi Thùy T trình bày: Bà là vợ của ông Đinh Thế L và là con dâu của bà Phạm Thị Thu H. Năm 2016 Ông Bà mới kết hôn với nhau nhưng việc tranh chấp nhà đất giữa bà T và mẹ chồng là bà H xảy ra trước đó nên Bà không biết và cũng không có liên quan gì. Năm 2016, vợ chồng Bà có đưa tiền cho mẹ sửa lại nhà bếp. Trong vụ án này, Bà không có ý kiến gì mà mọi việc có liên quan để chồng toàn quyền giải quyết. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi và rút một phần nội dung đơn khởi kiện là không yêu cầu tính số tiền lãi suất 50.000.000đồng và được bị đơn chấp nhận. Các bên đương sự không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, không ai yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

Các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong vụ án có các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự đã cung cấp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để tiến hành xét xử và ra bản án theo quy định đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng*:

Trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là "Giấy sang nhượng nhà và đất" bằng bản viết tay ngày 06/02/2010 giữa bà Phạm Thị Thu H và bà Phạm Thị Anh T đối với thửa đất số 1588, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã P, huyện L (Nay là Tổ 7, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V068362 ngày 09/9/2002 cấp cho hộ bà Phạm Thị Thu H bị vô hiệu ngay tại thời điểm ký kết do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Bà H phải có nghĩa vụ giao trả lại số tiền đã nhận là 250.000.000đ cho bà T và bà T có nghĩa vụ giao trả lại cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V068362 ngày 09/9/2002 đứng tên hộ bà Phạm Thị Thu H.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu tính lãi suất của số tiền 250.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải chịu ½ là 100.000đồng, bà H phải chịu ½ là 100.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Mỗi bên phải chịu ½ theo quy định.

- Chi phí thẩm định: Mỗi bên phải chịu ½ của số tiền 800.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

+ Tòa án thụ lý vụ án xác định yêu cầu của đương sự là "Tranh chấp về Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự", cụ thể là "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 183, 186, 203 Luật đất đai năm 2013. Tài sản tranh chấp tại huyện Đất Đỏ, nhưng có đương sự sinh sống và mang quốc tịch nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không ai có đơn yêu cầu độc lập, đồng thời có bản tự khai cụ thể và đều đề nghị được vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt họ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, năm 2010 hai bên có quan hệ giao dịch mua bán với nhau bằng giấy viết tay là "Giấy sang nhượng nhà và đất" đối với thửa đất số 1588, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã P, huyện L (Nay là Tổ 7, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V068362 ngày 09/9/2002 cấp cho hộ bà Phạm Thị Thu H. Nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng dân sự nêu trên do bị vô hiệu, đồng thời yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận và tiền lãi suất trong thời gian 05 năm mà không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng bị vô hiệu. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi của số tiền 250.000.000đ đã giao trong 07 năm qua.

Bà H cho rằng, bà T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất và yêu cầu trả lại số tiền 250.000.000đồng thì Bà hoàn toàn đồng ý. Còn yêu cầu trả tiền lãi 50.000.000 đồng thì không đồng ý vì hiện nay điều kiện kinh tế của bà đang gặp rất nhiều khó khăn. Trong thời gian qua bà H cũng đã tìm người để bán nhà, đất lấy tiền trả nợ cho bà T nhưng đến nay vẫn chưa có người mua. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên thì bà hoàn toàn đồng ý.

Xét thấy, các bên đương sự trình bày có sự mâu thuẫn với nhau về việc sang nhượng nhà và đất của bà Hương, nhưng hiện nay nguyên đơn yêu cầu hủy "Giấy sang nhượng nhà và đất" do bị vô hiệu và được bị đơn đồng ý, nên cần chấp nhận yêu cầu này và ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự để tuyên bố "Giấy sang nhượng nhà và đất" là bản viết tay vào ngày 06/02/2010 giữa bà T và bà H bị vô hiệu do có vi phạm về hình thức, vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 122, 127, 128 Bộ luật dân sự năm 2005 và vi phạm

Điều 183, 186, 203 Luật đất đai năm 2013. Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 250.000.000đồng đã nhận cho bà T.

- Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu trả số tiền lãi của số tiền 250.000.000đ đã giao trong 07 năm qua do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết hậu quả của hợp đồng dân sự bị vô hiệu:

Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, ý kiến của Viện kiểm sát là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn L, Đinh Thảo N, Đinh Thế L, Đinh Phú L và bà Bùi Thùy T không có đơn yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình trong vụ án. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn thống nhất tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất giữa các bên do bị vô hiệu đồng thời trả lại cho nhau những gì đã nhận, nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Theo bà H trình bày thì tài sản nhà, đất đang tranh chấp là tài sản riêng của Bà, không liên quan đến ông N. Trước đây, bà có vay Ngân hàng một số tiền, để được vay thì ông N có lập giấy khước từ tài sản và hiện nay giấy khước từ tài sản của ông N Bà đang giữ. Đối với số tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Đất Đỏ vào ngày 26/9/2007 đến ngày 03/02/2010 bà H đã trả hết nợ và Ngân hàng đã xuất trả tài sản thế chấp cho bà H (theo Công văn số 1507/NH ngày 23/7/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trả lời Công văn số 266/TA ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh bà Rịa-Vũng Tàu). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này bà T giữ và đã giao cho Tòa án lưu hồ sơ để phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Nguyên đơn, bị đơn, mỗi bên phải chịu án ½ là 100.000đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Mỗi bên đương sự phải chịu ½ của số tiền 250.000.000đồng theo quy định (250.000.000đồng x 5% : 2 là 6.250.000đồng/một bên).

[4] Chi phí thẩm định tại chỗ: Hết 800.000đồng, mỗi bên đương sự phải chịu ½ là 400.0000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 37, Điều 244, Điển c Khoản 1 Điều 474, Khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều Điều 122, 127, 128, 697 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 183, 186, 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 4 khoản 12 Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc giải quyết vụ án như sau:

1- Hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" là "Giấy sang nhượng nhà và đất" bằng bản viết tay ngày 06/02/2010 giữa bà Phạm Thị Thu H và bà Phạm Thị Anh T đối với thửa đất số 1588, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện Long Đất (nay là Tổ 7, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V068362 ngày 09/9/2002 cấp cho hộ bà Phạm Thị Thu H do bị vô hiệu.

2- Bà Phạm Thị Thu H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã nhận là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu) đồng cho bà Phạm Thị Anh T. Bà T có nghĩa vụ giao trả lại cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V068362 ngày 09/9/2002 đứng tên hộ bà Phạm Thị Thu H (Giấy này bà T đã giao cho Tòa án và lưu trong hồ sơ vụ án để phục vụ cho việc giải quyết vụ án và thi hành án).

3- Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất ngày 06/02/2010 giữa hai bên do bị vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất của số tiền 250.000.000đ bị đơn đã nhận.

4- Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải chịu 100.000đồng, bà H phải chịu 100.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà T phải chịu 6.250.000đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.500.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000644 ngày 13810/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, sau khi cấn trừ 02 khoản tiền án phí phải nộp, bà T còn được nhận lại số tiền 1.150.000đ (Một triệu, một trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bà H phải chịu 6.250.000đ (Sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

5- Chi phí thẩm định tại chỗ: Hết 800.000đồng

+ Bà T phải chịu 400.0000đồng.

+ Bà H phải chịu 400.0000đồng; số tiền này người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đ đã bỏ ra, nên bà H có nghĩa vụ thanh toán lại 400.000đồng cho bà Đ khi án có hiệu lực.

6- Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung yêu cầu bà H phải trả tiền lãi suất 50.000.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2017) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Ngọc Thiện

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.